

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 2 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 2 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Các Quyết định số 1561/QĐ-UBND.HC ngày 18 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban

nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng và kinh phí quản lý Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Đồng Tháp và Quyết định số 711/QĐ-UBND.HC ngày 22 tháng 8 năm 2011 về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh (huyện); Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện); Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- Các Bộ: TC, TNMT;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH/NSương.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Phúc

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua
Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và
các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm
2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện) để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn, Sở (Phòng) Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính (Phòng Tài chính – Kế hoạch) và các cơ quan khác, tổ chức, cá nhân có liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, Chi nhánh NHCSXH tỉnh (huyện).

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh (huyện) còn lại tại thời điểm giải thể Quỹ giải quyết việc làm địa phương thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm: ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.

3. Nguồn vốn ngân sách địa phương (bao gồm: ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) đã ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh thu hồi để quay vòng vốn.

4. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Quy chế này (nếu có).

Chương II **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH các cấp

1. Cấp tỉnh: Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh).

2. Cấp huyện: Phòng Tài chính – Kế hoạch ký hợp đồng ủy thác với Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Hàng năm, tùy theo khả năng cân đối nguồn vốn từ ngân sách cấp tỉnh (cấp huyện), Sở Tài chính (Phòng Tài chính – Kế hoạch) chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở (Phòng) Lao động – Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cấp huyện) trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (cấp huyện) phê duyệt, ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện) để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

2. Căn cứ để chuyển vốn:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) phê duyệt nguồn vốn ủy thác để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và công văn đề nghị của NHCSXH các cấp.

b) Hợp đồng ủy thác đã ký theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

3. Hình thức cấp phát: Lệnh chi tiền.

4. Hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Cơ quan tiếp nhận nguồn vốn ủy thác:

Chi nhánh NHCSXH tỉnh tiếp nhận nguồn vốn ủy thác đối với ngân sách cấp tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện tiếp nhận nguồn vốn ủy thác đối với ngân sách cấp huyện để thực hiện cho vay trực tiếp và cho vay ủy thác qua các tổ chức chính trị - xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

6. Phân bổ nguồn vốn:

a) Căn cứ nguồn vốn địa phương được bổ sung, NHCSXH trình Trưởng ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp phân bổ nguồn vốn ủy thác theo quy định.

b) Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện có trách nhiệm cho các đối tượng vay theo đúng quyết định phân bổ nguồn vốn đã được Trưởng ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp phê duyệt.

Điều 5. Đối tượng cho vay

Các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (gọi tắt Nghị định số 78/2002/NĐ-CP).

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay khác phù hợp thực tế của địa phương.

Điều 7. Mức cho vay

Mức cho vay đối với từng loại đối tượng được vay vốn theo mức vay do NHCSXH Việt Nam công bố trong từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ.

Điều 8. Thời hạn cho vay

Thời hạn vay vốn được thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hiện hành của NHCSXH do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 9. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay ưu đãi đối với từng đối tượng vay vốn cụ thể theo mức lãi suất do NHCSXH Việt Nam công bố trong từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ.

2. Lãi suất nợ quá hạn cho vay ưu đãi đối với từng đối tượng vay vốn cụ thể theo mức lãi suất do NHCSXH Việt Nam công bố trong từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ.

Điều 10. Quy trình, thủ tục cho vay

Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các quy trình, thủ tục cho vay theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay theo từng thời kỳ, từng chương trình cho vay của các Bộ, ngành liên quan, của NHCSXH từng thời kỳ.

NHCSXH chịu trách nhiệm về việc kiểm tra, kiểm soát các hồ sơ vay vốn, đảm bảo cho vay đúng quy định.

Điều 11. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH các cấp xem xét quyết định theo quy định của NHCSXH theo từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn: thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 12. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH từng thời kỳ (hiện nay 0,33% trên dư nợ cho vay, không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh). Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác.

c) Trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Trong đó:

- Trích tối đa không quá 9% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp.

- Trích tối đa không quá 3% số tiền lãi thu được để chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Sở Tài chính (Phòng Tài chính – Kế hoạch).

- Trích tối đa không quá 3% số tiền lãi thu được để chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội).

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Trường hợp số lãi thực thu không đủ bù đắp các khoản chi phí về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; chi phí quản lý cho NHCSXH; chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội

đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan thì Sở Tài chính (Phòng Tài chính – Kế hoạch) chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội) tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cấp huyện), Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện) báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện bổ sung ngân sách địa phương bù đắp một phần theo khả năng cân đối của mỗi cấp ngân sách đúng quy định.

3. Giao Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện) theo dõi và trích phí theo định kỳ hàng tháng.

Điều 13. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH. Những trường hợp phải xử lý rủi ro khác, Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện) phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội), Sở Tài chính (Phòng Tài chính – Kế hoạch) và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (huyện) xem xét, quyết định đúng theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh; do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, cấp huyện và NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyên qua NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

6. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH quản lý để xử lý nợ rủi ro theo quy định.

Điều 14. Chế độ báo cáo

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/7), hàng năm (trước ngày 31/1) hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện: Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/7), hàng năm (trước ngày 31/1) hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

Điều 15. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính (Phòng Tài chính – Kế hoạch): Chủ trì, phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện), Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội), Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện:

a) Bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh (huyện) ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện), đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho NHCSXH tỉnh (huyện) để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH.

b) Căn cứ quy chế cho vay này và vốn ủy thác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH.

c) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện) đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

d) Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại khoản 1, Điều 13 Quy chế này.

đ) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 12 Quy chế này.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Phòng Tài chính – Kế hoạch phối hợp Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch bố trí nguồn vốn uỷ thác từ ngân sách tỉnh, huyện, thị xã, thành phố hàng năm; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (huyện) xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh (huyện) quyết định.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị quản lý đối tượng vay vốn:

a) Khảo sát, xác định đối tượng, nhu cầu vay vốn, xây dựng kế hoạch cho vay hàng năm theo từng chương trình cho vay.

b) Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả cho vay và phối hợp xử lý, thu hồi nợ đối với các đối tượng quy định tại Quy chế này.

c) Chủ trì, phối hợp với NHCSXH các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro của hộ vay vốn uỷ thác từ ngân sách tỉnh; phúc tra, lập thủ tục xử lý và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

- Kiểm tra tình hình và kết quả thực hiện cho vay vốn uỷ thác từ ngân sách địa phương. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp.

d) Trên cơ sở tiền lãi cho vay được phân bổ tại Điều 12 Quy chế này, cuối năm các đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổng hợp chung báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động hàng năm của đơn vị, địa phương.

4. Trách nhiệm của Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện):

a) Ký hợp đồng uỷ thác với cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân các cấp uỷ quyền. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách của địa phương chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại văn bản này.

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị xây dựng kế hoạch nguồn vốn hàng năm cho các đối tượng vay gửi cơ quan Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

c) Hướng dẫn nghiệp vụ; thẩm định hồ sơ vay vốn và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định từng chương trình cho vay.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

đ) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

e) Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH theo quy định.

g) Trước ngày 20 của tháng đầu quý, NHCSXH tạm tính và trích phân bổ tiền lãi cho vay thu được quy định tại Điều 12, và cuối năm vào ngày 31/12, NHCSXH thực hiện trích lập dự phòng rủi ro và quyết toán trích lập các khoản tại Điều 12 của Quy chế này theo đúng quy định. Đối với nội dung trích lập quy định tại Điều d, Khoản 1, Điều 12 được thực hiện vào quý I năm liền kề. Định kỳ quý, năm hoặc đột xuất NHCSXH báo cáo kết quả thực hiện các khoản thu, chi theo đúng quy định.

h) Định kỳ hàng năm, NHCSXH báo cáo Ủy ban nhân dân các cấp về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH trong quý I của năm sau.

i) Hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện cho vay các chương trình tín dụng.

5. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác:

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và Vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

6. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:

a) Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

b) Rà soát bãi bỏ các quy chế quản lý vốn ủy thác tại địa phương đã ban hành và thực hiện thống nhất theo các quy định tại Quy chế này.

c) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế tại địa phương, trình Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố phê duyệt bổ sung nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH để cho vay các đối tượng hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tại địa phương.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn trả nợ, trả lãi, nợ quá hạn, kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn..., hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan và có ý kiến về đề nghị xử lý rủi ro của người vay; tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi...

8. Trách nhiệm của người vay:

- a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.
- b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích vay.
- c) Hoàn trả nợ gốc và lãi đúng thỏa thuận theo quy định.
- d) Thực hiện đầy đủ quy ước hoạt động của Tổ.

Điều 17. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc thì các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị quản lý đối tượng vay vốn để phối hợp nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo sử dụng vốn uỷ thác đúng mục đích, có hiệu quả./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Châu Hồng Phúc